

Số: /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính  
lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa  
và Thể thao, UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3520/QĐ-BVHTTDL ngày 19/11/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 6715/QĐ-UBND ngày 29/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội tại Tờ trình số /TTr-SVHTT ngày / /2025.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo quyết định này 04 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội, trong đó: 02 quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao; 02 quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo)

**Điều 2.** Giao Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên

quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính để phục vụ việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Các quy trình ban hành kèm theo Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 11/04/2024 của Chủ tịch UBND thành phố sau đây hết hiệu lực: QT-38, QT-39 (mục II); QT- 01, QT-02 (mục III).

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND Thành phố; (để báo cáo)
- PCT TT UBND TP Hà Minh Hải;
- VP: Thành uỷ, Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- VPUBTP: CVP, PCVP Nguyễn Mạnh Quân, các phòng: KSTTHC, TT-QT, KGVX; TH;
- Trung tâm thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hà Minh Hải**

**Phụ lục 1**

**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC  
VĂN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO,  
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

<b>STT</b>	<b>Tên Quy trình</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hoá và Thể thao</b>		
01	Thủ tục Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh vũ trường	QT-01	
02	Thủ tục Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	QT-02	
<b>II</b>	<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội</b>		
01	Thủ tục Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke (do cơ quan QLNN về văn hóa cấp huyện cấp)	QT-01	
02	Thủ tục Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke (do cơ quan QLNN về văn hóa cấp huyện cấp)	QT-02	

**Phụ lục 2**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH LĨNH VỰC VĂN HÓA  
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO,  
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**I. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC  
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HOÁ VÀ THỂ THAO**

**1. Thủ tục Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh vũ trường (QT-01)**

<b>1.</b>	<b>Mục đích:</b> Quy định trách nhiệm và phương pháp cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh vũ trường, nhằm đảm bảo cho tất cả cán bộ, công chức thuộc Sở có đủ khả năng đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính theo nhiệm vụ được giao
<b>2.</b>	<b>Phạm vi:</b> Áp dụng đối với thủ tục: Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh vũ trường. Cán bộ, công chức thuộc phòng Quản lý văn hóa, các phòng ban/cơ quan liên quan thuộc Sở Văn hóa và Thể thao chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này.
<b>3.</b>	<b>Nội dung quy trình</b>
<b>3.1</b>	<b>Cơ sở pháp lý</b>
	<ol style="list-style-type: none"><li>Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/06/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.</li><li>Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/06/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.</li><li>Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.</li><li>Quyết định số 3520/QĐ-BVHTTDL ngày 19/11/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li><li>Quyết định số 6715/QĐ-UBND ngày 29/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội.</li></ol>

<b>3.2</b>	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>	
	1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024).	x		
	2. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự		x	
<b>3.3</b>	<b>Số lượng Hồ sơ</b>			
	01 bộ			
<b>3.4</b>	<b>Thời gian xử lý hồ sơ</b>			
	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.			
<b>3.5</b>	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>			
	Bộ phận Một cửa - Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội – số 47 phố Hàng Dầu, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.			
<b>3.6</b>	<b>Lệ phí</b>			
	15.000.000đ/ giấy phép			
<b>3.7</b>	<b>Quy trình xử lý công việc</b>			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/kết quả</b>
B1	Tiếp nhận, kiểm tra đầu mục hồ sơ: + Nếu hồ sơ không hợp lệ, hướng dẫn tổ chức/cá nhân hoàn thiện theo quy định + Nếu hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ Chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn thẩm định	Bộ phận TN&TKQ	½ ngày	Thành phần hồ sơ theo mục 3.2 Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
B2	Tham mưu Quyết định Thành lập Đoàn thẩm định thực tế tại địa điểm kinh doanh, trình Lãnh đạo Phòng xác nhận.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1 ngày	

B3	Phối hợp với Phòng Tổ chức - Pháp chế trình Lãnh đạo Sở ký ban hành Quyết định	Cán bộ thụ lý hồ sơ và Phòng Tổ chức – Pháp chế	1 ngày	Dự thảo Quyết định
B4	Xem xét và ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo Sở	½ ngày	Quyết định thành lập Đoàn Thẩm định
B5	Đoàn Thẩm định tổ chức thẩm định các điều kiện hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật và ban hành kết quả thẩm định.	Đoàn Thẩm định	4 ngày	Biên bản thẩm định, Kết quả thẩm định
B6	Căn cứ kết quả thẩm định, tham mưu cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường hoặc văn bản trả lời không cấp Giấy phép; hoàn thiện hồ sơ, lập báo cáo trình lãnh đạo phòng xem xét	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1 ngày	- Hồ sơ trình - Tờ trình - Dự thảo Giấy phép đủ đk kinh doanh dịch vụ vũ trường/văn bản trả lời không cấp phép
B7	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký xác nhận hồ sơ trình lãnh đạo Sở xem xét, ký duyệt	Lãnh đạo phòng QLVH	½ ngày	
B8	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Sở	½ ngày	Giấy phép/ văn bản trả lời không cấp Giấy phép
B9	Tiếp nhận kết quả từ lãnh đạo Sở - In và phát hành văn bản, chuyển kết quả về bộ phận Một cửa - Lưu hồ sơ tại phòng chuyên môn	Phòng chuyên môn	½ ngày	Sổ theo dõi hồ sơ
B10	Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	Bộ phận TN&TKQ	½ ngày	

<b>4.</b>	<b>Biểu mẫu</b>
	1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024).
	2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ; Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ).

...(1)...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

-----

Số: ...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH  
DỊCH VỤ KARAOKE HOẶC DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG**

Kính gửi:..... (2) .....

Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh: .....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số .....do..... cấp ngày ..... tháng .... năm .....

Mã số: .....

Đề nghị ... (2) ... xem xét cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường, cụ thể là:

Kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường tại địa chỉ: .....

STT	Vị trí, kích thước phòng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	

Tên, biển hiệu cơ sở kinh doanh (nếu có): .....

Điện thoại:..... Fax:.....

Tài liệu kèm theo .....(3).....

... (1) ... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn chính xác và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))*

(1) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.

(3) Nêu rõ các tài liệu kèm theo.

## 2. Thủ tục Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường

<b>1.</b>	<b>Mục đích:</b> Quy định trách nhiệm và quy trình thực hiện cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường.		
<b>2.</b>	<b>Phạm vi:</b> Áp dụng đối với thủ tục: doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật xin cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường. Cán bộ, công chức thuộc phòng Quản lý văn hóa, các phòng/cơ quan liên quan thuộc Sở Văn hóa và Thể thao chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này.		
<b>3.</b>	<b>Nội dung quy trình</b>		
<b>3.1</b>	<b>Cơ sở pháp lý</b>		
	<p>1. Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/06/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.</p> <p>2. Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/06/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.</p> <p>3. Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.</p> <p>4. Quyết định số 3520/QĐ-BVHTTDL ngày 19/11/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>5. Quyết định số 6715/QĐ-UBND ngày 29/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội.</p>		
<b>3.2</b>	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>
	1. Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ);	X	
<b>3.3</b>	<b>Số lượng Hồ sơ</b>		
	01 bộ		

<b>3.4</b>	<b>Thời gian xử lý hồ sơ</b>			
	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. (Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc, cơ quan cấp Giấy phép điều chỉnh đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường có văn bản thông báo yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ).			
<b>3.5</b>	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>			
	Bộ phận Một cửa -Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội – số 47 phố Hàng Dầu, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.			
<b>3.6</b>	<b>Lệ phí</b>			
	Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.			
<b>3.7</b>	<b>Quy trình xử lý công việc</b>			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/kết quả</b>
B1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ không hợp lệ, hướng dẫn Tổ chức/hộ kinh doanh hoàn thiện theo quy định + Nếu hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ Chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn thẩm định	Bộ phận TN&TKQ	½ ngày	Thành phần hồ sơ theo mục 3.2; Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B2	+ Trường hợp thay đổi về số lượng phòng: Tham mưu Quyết định Thành lập Đoàn thẩm định thực tế tại địa điểm kinh doanh, trình Lãnh đạo Phòng xác nhận.  + Trường hợp chỉ thay đổi về chủ sở hữu thì không phải thành lập Đoàn Thẩm định, tham mưu Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1 ngày	
B3	Xem xét, xác nhận dự thảo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Lãnh đạo Phòng QLVH	½ ngày	
B4	Phối hợp với Phòng Tổ chức -	Cán bộ thụ lý	1 ngày	Dự thảo

	Pháp chế trình Lãnh đạo Sở ký ban hành Quyết định.	hồ sơ và Phòng Tổ chức – Pháp chế		Quyết định thành lập Đoàn Thẩm định
B5	Xem xét, ban hành Quyết định thành lập Đoàn Thẩm định	Lãnh đạo Sở	1/2 ngày	Quyết định thành lập Đoàn Thẩm định
B6	Tổ chức thẩm định các điều kiện hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật và ban hành kết quả thẩm định.	Đoàn Thẩm định	1 1/2 ngày	Biên bản thẩm định và kết quả thẩm định
B7	Căn cứ kết quả thẩm định, tham mưu cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường hoặc văn bản trả lời không cấp Giấy phép; hoàn thiện hồ sơ, lập báo cáo trình lãnh đạo phòng xem xét	Cán bộ thụ lý	1/2 ngày	Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường
B8	Xem xét và xác nhận	Lãnh đạo phòng QLVH	1/2 ngày	Văn bản trình ký và hồ sơ
B9	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Sở	1/2 ngày	Giấy phép điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (Mẫu 04 tại Phụ lục theo Nghị định số 148/2024/NĐ-CP)
B10	Tiếp nhận kết quả - In và phát hành văn bản, chuyển kết quả về bộ phận một cửa - Lưu hồ sơ tại phòng chuyên môn	Phòng chuyên môn	1/2 ngày	
B11	Trả kết quả cho Tổ chức/hộ kinh doanh	Bộ phận TN&TKQ		
<b>4.</b>	<b>Biểu mẫu</b>			
	<p>1. Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024);</p> <p>2. Mẫu Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số</p>			

148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024);

3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (*Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ; Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ*).

...(1)...  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: ...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH**  
**GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH**  
**DỊCH VỤ KARAOKE HOẶC DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG**

Kính gửi: .....(2).....

Tên .....doanh .....nghịệp/hộ .....kinh  
doanh: .....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh  
số..... do..... cấp ngày ....tháng ....năm .....

Mã số: .....

Đã được cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ  
trường số..... do..... cấp ngày .... tháng ... năm .....

Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc  
dịch vụ vũ trường (điều chỉnh lần thứ..... ) số..... do..... cấp  
ngày... tháng ... năm ..... (nếu có);

... (1)... đề nghị... (2) ... xem xét cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện  
kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường, cụ thể như sau:

Thông tin cũ (nếu có).....

Thông tin điều chỉnh .....(3) .....

... (1) ... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn chính xác và thực hiện  
đúng các quy định tại Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của  
Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; Nghị định  
số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều  
của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy  
định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của  
pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp  
luật./.

**Người đại diện theo pháp luật**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(1) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.

(3) Ghi rõ nội dung điều chỉnh.

## II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

### 1.Thủ tục Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke (do cơ quan QLNN về văn hóa cấp huyện cấp) (QT-01)

<b>1</b>	<b>Mục đích:</b> Quy định nội dung trình tự, thẩm định thủ tục Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan QLNN về văn hóa cấp huyện cấp)		
<b>2</b>	<b>Phạm vi:</b> Áp dụng đối với thủ tục: doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật xin cấp cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan QLNN về văn hóa cấp huyện cấp). Cán bộ, công chức thuộc phòng Văn hóa thông tin, các phòng/cơ quan liên quan thuộc UBND cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này.		
<b>3</b>	<b>Nội dung quy trình</b>		
<b>3.1</b>	<b>Cơ sở pháp lý</b>		
	<p>1. Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.</p> <p>2. Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/06/2019 của Chính phủ quy định về kinh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.</p> <p>3. Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.</p> <p>4. Quyết định số 3520/QĐ-BVHTTDL ngày 19/11/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>5. Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 19/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phân cấp việc cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p> <p>6. Quyết định số 6715/QĐ-UBND ngày 29/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội.</p>		
<b>3.2</b>	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>
	1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh	x	

	dịch vụ karaoke (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024);			
	2. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự			x
<b>3.3</b>	<b>Số lượng Hồ sơ</b>			
	01 bộ			
<b>3.4</b>	<b>Thời gian xử lý hồ sơ</b>			
	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện được phân cấp có văn bản thông báo yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ			
<b>3.5</b>	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>			
	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện			
<b>3.6</b>	<b>Lệ phí</b>			
	- Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy. - Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy. - Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy.			
<b>3.7</b>	<b>Quy trình xử lý công việc</b>			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/kết quả</b>
B1	Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ: - Nếu hồ sơ thiếu, không hợp lệ: từ chối tiếp nhận và hướng dẫn Tổ chức/hộ kinh doanh hoàn thiện hồ sơ - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn thẩm định	Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện	½ ngày	Thành phần hồ sơ theo mục 3.2 Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
B2	Phân công công việc cho chuyên viên phòng VH TT xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng VH TT của UBND cấp huyện	½ ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B3	Tham mưu UBND cấp huyện thành lập Đoàn Thẩm định thực tế tại địa điểm kinh	Cán bộ thụ lý	2 ngày	Dự thảo Quyết định thành lập Đoàn Thẩm

	doanh dịch vụ karaoke			định
B4	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét, ký duyệt trình Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	½ ngày	
B5	Xem xét, ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND cấp huyện	½ ngày	Quyết định thành lập Đoàn Thẩm định
B6	Đoàn Thẩm định thẩm định điều kiện các điều kiện hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật và ban hành kết quả thẩm định	Đoàn Thẩm định	3 ngày	Biên bản thẩm định
B7	Căn cứ kết quả thẩm định, dự thảo tờ trình và Giấy phép - <b>Nếu hồ sơ không hợp lệ:</b> Có văn bản trả lời Tổ chức/hộ kinh doanh và nêu rõ lý do - <b>Nếu hồ sơ hợp lệ:</b> Hoàn thiện hồ sơ, Dự thảo Giấy phép, tờ trình thẩm định gửi lãnh đạo phòng	Chuyên viên Phòng Văn hóa và Thông tin của UBND cấp huyện	1½ ngày	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ; Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả
B8	Lãnh đạo phòng kiểm tra nội dung Kết quả thẩm định, tờ trình thẩm định, dự thảo giấy phép, công văn trả lời tổ chức/công dân (nếu có): - Nếu đủ điều kiện cấp phép, ký xác nhận hồ sơ trình lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt - Nếu không đủ điều kiện cấp phép phải có công văn nêu rõ lý do không cấp phép chuyển Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trả lời cho tổ chức/công dân	Lãnh đạo phòng VH TT của UBND cấp huyện	½ ngày	Dự thảo tờ trình thẩm định, Dự thảo Giấy phép
B9	Lãnh đạo UBND quận/huyện	Lãnh đạo	½ ngày	Giấy phép đủ

	xem xét và ký phê duyệt. Trường hợp không đồng ý chuyển lại lãnh đạo Phòng VHTT xử lý	UBND cấp huyện		điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu 02 tại Phụ lục theo Nghị định 148/2024/NĐ- CP)
B10	Tiếp nhận kết quả: - Hoàn thiện hồ sơ vào sổ theo dõi - Lưu hồ sơ tại phòng chuyên môn	Chuyên viên phòng VHTT của UBND cấp huyện	1/2 ngày	
B11	Trả kết quả cho tổ chức/công dân theo phiếu hẹn	Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện		
B12	Thống kê và theo dõi Chuyên viên cấp huyện có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC.	Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ.
<b>4.</b>	<b>Biểu mẫu:</b>			
	<p>1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024);</p> <p>2. Mẫu Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024);</p> <p>3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (<i>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ; Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ</i>).</p>			

...(1)...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KARAOKE**

Kính gửi:..... (2) .....

Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh: .....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số .....do..... cấp ngày ..... tháng .... năm .....

Mã số: .....

Đề nghị ... (2) ... xem xét cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường, cụ thể là:

Kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường tại địa chỉ: .....

STT	Vị trí, kích thước phòng	Diện tích (m <sup>2</sup> )

Tên, biển hiệu cơ sở kinh doanh (nếu có): .....

Điện thoại:..... Fax:.....

Tài liệu kèm theo.....(3).....

... (1) ... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn chính xác và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(1) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke.

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke.

(3) Nêu rõ các tài liệu kèm theo.

**2. Thủ tục Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke (do cơ quan QLNN về văn hóa cấp huyện cấp) (QT-02)**

<b>1</b>	<p><b>Mục đích:</b> Quy định nội dung trình tự, thẩm định thủ tục Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan QLNN về văn hóa cấp huyện cấp)</p>		
<b>2</b>	<p><b>Phạm vi:</b> Áp dụng đối với thủ tục: doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật xin cấp cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan QLNN về văn hóa cấp huyện cấp). Cán bộ, công chức thuộc phòng Văn hóa thông tin, các phòng/cơ quan liên quan thuộc UBND cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này.</p>		
<b>3</b>	<p><b>Nội dung quy trình</b></p>		
<b>3.1</b>	<p><b>Cơ sở pháp lý</b></p>		
	<p>1. Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. 2. Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/06/2019 của Chính phủ quy định về kinh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. 3. Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. 4. Quyết định số 3520/QĐ-BVHTTDL ngày 19/11/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 5. Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 19/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phân cấp việc cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke trên địa bàn thành phố Hà Nội. 6. Quyết định số 6715/QĐ-UBND ngày 29/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội.</p>		
<b>3.2</b>	<p><b>Thành phần hồ sơ</b></p>	<p><b>Bản chính</b></p>	<p><b>Bản sao</b></p>



	thẩm định thực tế tại địa điểm kinh doanh, trình Lãnh đạo Phòng xác nhận.  + Trường hợp chỉ thay đổi về chủ sở hữu thì không phải thành lập Đoàn Thẩm định			
B4	Xem xét, xác nhận dự thảo Quyết định thành lập Đoàn Thẩm định	Lãnh đạo Phòng chuyên môn UBND cấp huyện	½ ngày	
B5	Xem xét, ký duyệt	Lãnh đạo UBND cấp huyện	½ ngày	Quyết định thành lập Đoàn Thẩm định
B6	Đoàn Thẩm định tổ chức thẩm định các điều kiện hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật và ban hành kết quả thẩm định	Đoàn Thẩm định	1½ ngày	Biên bản Thẩm định và kết quả thẩm định
B7	Căn cứ kết quả thẩm định, cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc không cấp Giấy phép	Chuyên viên Phòng VHTT UBND cấp huyện	1 ngày	Dự thảo tờ trình thẩm định, Dự thảo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke/ văn bản trả lời không cấp Giấy phép
B8	Lãnh đạo phòng kiểm tra nội dung biên bản, tờ trình thẩm định, dự thảo giấy phép, công văn trả lời Tổ chức/hộ kinh doanh (nếu có): - Nếu đủ điều kiện cấp phép, ký xác nhận hồ sơ trình lãnh	Lãnh đạo Phòng VHTT của UBND cấp huyện	½ ngày	

	đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt - Nếu không đủ điều kiện cấp phép phải có công văn nêu rõ lý do không cấp phép chuyển Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trả lời cho tổ chức/công dân			
B9	Lãnh đạo UBND quận/huyện xem xét và ký phê duyệt. Trường hợp không đồng ý chuyển lại lãnh đạo Phòng VHTT xử lý	Lãnh đạo UBND cấp huyện	½ ngày	Giấy phép điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu 04 tại Phụ lục theo Nghị định 148/2024/NĐ-CP)
B10	Tiếp nhận kết quả: - Hoàn thiện hồ sơ vào sổ theo dõi - Lưu hồ sơ	Chuyên viên Phòng VHTT của UBND cấp huyện	½ ngày	
B11	Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cho Tổ chức/hộ kinh doanh theo phiếu hẹn	Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện		
B12	Thống kê và theo dõi Chuyên viên cấp huyện có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC.	Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ.
<b>4.</b>	<b>Biểu mẫu:</b>			
	<p>1. Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 148/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024);</p> <p>2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (<i>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ; Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ</i>).</p>			

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

-----

Số: ...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH**

**GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KARAOKE**

Kính gửi: .....(2).....

Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh: .....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày ....tháng ...năm .....

Mã số: .....

Đã được cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường số..... do..... cấp ngày .... tháng ... năm .....

Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường (điều chỉnh lần thứ..... ) số..... do..... cấp ngày... tháng ... năm ..... (nếu có);

... (1)... đề nghị... (2) ... xem xét cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường, cụ thể như sau:

Thông tin cũ (nếu có).....

Thông tin điều chỉnh .....(3) .....

... (1) ... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn chính xác và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(1) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke.

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke.

(3) Ghi rõ nội dung điều chỉnh